TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2025
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để và bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh ngày 15/02/2000; địa chỉ: ấp M, xã V, tỉnh An Giang.

Căn cước số 091300007622, cấp ngày 23/01/2025.

2- Bị đơn: Anh Trương Văn N, sinh ngày 23/3/1998; địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh An Giang.

Căn cước số 091098007207, cấp ngày 12/8/2021.

Chị D có mặt tại điểm cầu thành phần số 07 N, đặc khu P, tỉnh An Giang. Anh N vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh chị kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang). Chung sống được

khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ngon ăn C, công việc làm ăn giảm sút, nhưng anh N không sửa đổi. Anh chị sống ly thân từ Tết Nguyên đán năm 2025 đến nay. Anh chị có 01 người con chung là Trương Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/9/2023, hiện đang sống bên chị D. Nay vợ chồng không hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]- Bị đơn là anh N vắng mặt phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2025 anh N có trình bày: Anh N và chị D kết hôn năm 2023, hiện nay có 01 người con chung đang sống bên chị D, anh chị không sống chung với nhau từ đầu năm 2025 đến nay. Trường hợp Tòa án hòa giải không thành, anh N không có yêu cầu gì, con còn nhỏ nên thống nhất giao cho chị D nuôi, nhưng nếu chị D không đảm bảo nuôi con đầy đủ các mặt thì anh N sẽ yêu cầu thay đổi người nuôi con.

[3]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn là anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh N và giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị D yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Bị đơn là anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Năm 2023 anh N và chị D đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, do Ủy ban nhân dân thị trấn T Một cấp ngày 29/3/2023) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2025.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D và thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị D được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là Trương Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/9/2023, hiện tại đang sống bên chị D. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, chị D hiện tại đủ điều kiện nuôi con; anh N có ý kiến thống nhất giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị D và ý kiến của anh N về việc giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị D nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị D phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương D đối với anh Trương Văn N. Cho chị D được ly hôn với anh N.

2- Về con chung: Giao Trương Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/9/2023 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị D vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015186 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7).

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận